TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK** Bản án số: 20/2025/HSST Ngày: 29 / 9 / 2025	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Trương Quang Vinh.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Lê Thị Việt.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vịnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/ QĐST- HS ngày 15/9/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị T. Giới tính: Nữ.; Sinh năm: 1976; Căn cước công dân số 06617008856, cấp ngày 7/9/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH - BCA, nơi sinh tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Thanh H, sinh năm 1945, con bà Lê Thị Đ, sinh năm 1946, cùng cư trú tại Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 05 anh, em, bị cáo là con thứ 03.

Bị cáo có chồng là Nguyễn Đình T2 (đã ly hôn) và 02 con là Trần Quang T3, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Mỹ T4, sinh năm 2005, cùng cư trú tại Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Đặng Thị T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/5/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm: 1963, (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

1/ Chị Trần Thị Kim C, sinh năm: 1990, (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973, (có mặt).

3/ Chị Nguyễn Thị Mỹ T4, sinh năm: 2005, (có mặt).

Cùng nơi trường trú: Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

4/. Ông Y S Niê, sinh năm: 1974, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Buôn K, xã TT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, Đặng Thị T kết hôn với ông Nguyễn Đình T2 rồi cùng sinh sống tại thôn TL, xã E, huyện K (Nay là Thôn TL, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Đến ngày 15/11/2022 T và ông T2 ly hôn nhưng vẫn sống chung tại căn nhà là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại thôn TL, xã E vì chưa phân chia tài sản xong.

Khoảng 19 giờ ngày 16/8/2023, Đặng Thị T dùng 01 chiếc đèn pin (loại đội đầu) đi kiểm tra chuồng gà thì phát hiện mất 07 con gà, nghi ngờ ông T2 là người bắt gà của mình nên T đến trước phòng ngủ gặp ông T2 và hỏi "ông bắt gà của tui hả", ông T2 trả lời "tao không bắt", bà T tiếp tục hỏi "ông không bắt thì ai bắt, có một mình ông ở nhà ông không bắt thì ai bắt" dẫn đến cả hai xảy ra cãi nhau. Lúc này, ông T2 lao về phía T thì T dùng chiếc đèn pin đang cầm trên tay phải đánh 01 cái trúng vào vùng mắt trái của ông T2 làm phần mi mắt bị chảy máu. Ông T2 tiếp tục lao đến thì T dùng chiếc đèn pin đánh 01 cái trúng miệng của ông T2 rồi bỏ chạy ra ngoài. Sau đó, ông T2 và T vào phòng riêng đi ngủ.

Khoảng 06 giờ ngày 17/8/2023, ông T2 dắt xe mô tô ra ngoài thì T nhìn thấy tại phần mi mắt trái của ông T2 có dán băng keo cá nhân và miệng bị sưng. Lúc này, T nói "bữa nay tôi thay chìa khóa cổng, khi nào tôi làm về thì tôi mở cửa", nghe vậy ông T2 nói "đù mẹ mày, nhà đéo nào của mày" rồi cầm 01 cây tre đuổi theo T thì T bỏ chạy ra ngoài đường. Ông T2 cầm cây tre đuổi theo đánh T nhưng không trúng và cây tre rơi. Ông T2 lao đến nắm tóc T thì T dùng tay phải đang nắm 01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa đánh 01 cái trúng vào phía trên lông mày phải của ông T2 làm ông T2 bị thương chảy máu. Sau đó cả hai dừng lại không xô xát nữa. Ông T2 đến trung tâm y tế huyện K để rửa vết thương và đi về nhà. Đến ngày 05/9/2023, ông Nguyễn Đình T2 đến Công an huyện K trình báo sự việc.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 552 ngày 05/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với Nguyễn Đình T2 kết luận:

Vết thương để lại sẹo trên đuôi cung mày phải 0,5cm, kích thước (1x0,1)cm, tỷ lệ là 03%; Vết thương để lại sẹo dưới khóe ngoài mắt trái 0,5cm, kích thước (1x0,1)cm, tỷ lệ là 03%. Tổng tỷ lệ 06%.

Vật tác động: Vật tày có cạnh.

Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương để lại sẹo trên đuôi cung mày phải 0,5cm do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái. Vết thương để lại sẹo dưới khóe ngoài mắt trái 0,5cm do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải.

Vết thương để lại sẹo nằm chéo, hơi cong mở xuống dưới đỉnh sau lệch phải, đầu trên cách đường giữa 1cm, đầu dưới cách đường chân tóc gáy phải 5cm, kích thước (6x0,1)cm và vết thương để lại sẹo mặt mu ngón I bàn tày trái, kích thước (2x0,2)cm, không có trong Biên bản làm việc xác nhận quá trình điều trị của ông Nguyễn Đình T2 tại Trung tâm y tế huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên không đủ cơ sở để đánh giá tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tại bản kết luận giám định vật gây thương tích số 32 ngày 02/11/2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 đèn pin chiếu sáng loại đeo trên đầu màu xanh - đỏ, kích thước (8,5x8x8,5)cm và 01 chùm chìa khóa gồm: 01 chìa khóa bằng kim loại dài 7,6cm, rộng 1cm có phần đuôi nhựa màu đen dài 3,6cm rộng 03cm in chữ "HONDA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 4,5cm, rộng 0,5cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "CHINA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5,5cm, rộng 1cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "HUYHOANG"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5cm, rộng 0,5 cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "VIET-TIEP" là vật mang đặc điểm vật tày, cứng và vật tày có cạnh cứng.

Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích: Đèn pin và chùm chìa khóa là những vật tày, cứng và vật tày có cạnh cứng, phù hợp gây ra vết thương để lại sẹo trên đuôi cung mày phải và vết thương để lại sẹo dưới khóe ngoài mắt trái của ông Nguyễn Đình T2.

Cáo trạng số: 37/CT - VKS - HS ngày 15 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội "Cố ý gây thương tích' theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận:

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội: "Cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm a

khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của BLHS xử phạt bị cáo Đặng Thị T mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đặng Thị T làm nông, thu nhập không ổn định nên đề nghị không khấu trừ thu nhập.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 147 của BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin chiếu sáng loại đeo đầu màu xanh – đỏ, kích thước (8,5x8x8,5)cm; 01 chùm chìa khóa gồm: 01 chìa khóa bằng kim loại dài 7,6cm, rộng 1cm có phần đuôi nhựa màu đen dài 3,6cm rộng 03cm in chữ "HONDA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 4,5cm, rộng 0,5cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "CHINA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5,5cm, rộng 1cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "HUYHOANG"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5cm, rộng 0,5 cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "VIET-TIEP";

Trả lại cho ông Nguyễn Đình T2 01 con dao dài 34cm có phần lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm rộng 8cm và phần cán gỗ dài 12,5cm rộng 3cm do ông Nguyễn Đình T2 giao nộp không phải là vật chứng của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Thị T phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình T2 các khoản chi phí sau:

Tiền thuê xe đi khám tại bệnh viện huyện K: 350.000 đồng x 2 lượt đi và về = 700.000 đồng.

Tiền công không lao động được trong 10 ngày x 500.000 đồng/ 1 ngày = 5.000.000 đồng.

Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 2.000.000 đồng.

Tiền tổn thất tinh thần: Từ 5 đến 10 tháng lương cơ sở.

Chấp nhận việc bị cáo Đặng Thị T đã bồi thường trước số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo Đặng Thì T trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo và ông Nguyễn Đình T2 có mối quan hệ là vợ chồng, do sống với nhau không hạnh phúc nên đã ly hôn vào năm 2022. Khi Tòa án giải quyết cho ly hôn, tài sản chung của vợ chồng là đất và căn nhà đang thế chấp cho Ngân hàng nên không chia tài sản được. Do đó bị cáo và ông T2 vẫn sống chung trong một nhà. Ông T2 thường xuyên kiếm chuyện gây gỗ xúc phạm đến bị cáo, có lúc ông T2 đánh đập bị cáo, mục đích cuối cùng là để đuổi bị cáo ra khỏi nhà. Sự việc này được con chung của bị cáo và ông T2 là cháu Nguyễn Thị Mỹ T4 chứng kiến. Khi sự việc xảy ra, ông T2 bắt 7 con gà của bị cáo đem đi bán nên bị cáo bức xúc và gây thương tích cho ông T2 như bản cáo

trạng của VKS đã nêu và bị cáo hoàn toàn đồng ý với quan điểm đề nghị của VKS. Bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại ông Nguyễn Đình T2 không có ý kiến tranh luận với quan điểm của VKS, yêu cầu giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K (nay là VKS nhân dân Khu vực 4), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 552 ngày 05/10/2023 và kết luận giám định vật gây thương tích số 32 ngày 02/11/2023 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk và các tài liệu chứng khác đã thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Đặng Thị T phạm tội: Cố ý gây thương tích, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS.

Điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét tính chất hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khoẻ của ông Nguyễn Đình T2 trái pháp luật, ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được sức khỏe của ông T2 là vốn

quý được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sức khỏe của người khác trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, xem thường sức khẻo của người khác, mặc dù đã ly hôn nhưng bị cáo và ông T2 vẫn sinh sống trong cùng một nhà, nhiều lần ông T2 chửi và xúc phạm bị cáo, nên ngày 16/8/2023, do bị mất 7 con gà, bị cáo cho rằng ông T2 là người bắt gà của mình đem bán nên giữa bị cáo T và ông T2 cãi nhau, bức xúc nên bị cáo đã dùng đèn Pin đánh vào vùng mắt trái và chùm chìa khóa đánh trúng vào phía trên lông mày phải của ông T2, gây tổn thương cơ thể của ông T2 6%. Việc VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk không truy tố bị cáo tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ mà truy tố bị cáo Đặng Thị T theo điểm a (dùng hung khí nguy hiểm) khoản 1 Điều 134 của BLHS là có căn cứ, đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi gây thương tích cho ông T2 2 lần, mỗi lần 3% nhưng bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là đèn Pin, chùm chìa khóa để thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Bị cáo có trình độ học vấn thấp (3/12) nên nhận thức về pháp luật còn có phần hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hành vi phạm tội của bị cáo là bộc phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng sau khi đã ly hôn, do vậy HĐXX áp dụng Điều 36 của BLHS xử phạt bị cáo Đặng Thị T hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Nghề nghiệp của bị cáo Đặng Thị T làm nông, thu nhập không ổn định, điều kiện khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Trong đơn yêu cầu bồi thường do sức khỏe bị xâm hại (bút lục số 131), ông T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, gồm các khoản: Tiền thuốc điều trị: 40.000.000 đồng; tiền chi phí đi lại: 20.000.000 đồng. Tiền công không lao động được 90.000.000 đồng nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, ông T2 không cưng cấp chứng cứ các biên lai thu tiền liên quan đến các khoản nói trên. Do vậy, các khoản chi phí hợp lý mà Tòa án buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình T2 cụ thể như sau:

- Tiền thuê xe đi khám tại Trung tâm y tế huyện K: Theo xác nhận của bệnh viện huyện Krông Pắc, ông T2 có đến Trung tâm y tế huyện K khám vết thương ở

đuôi mắt trái, sau khám bệnh, thấy vết thương ngoài da nên Trung tâm y tế huyện K xử lý bằng hình thức vệ sinh vết thương và cho ông T2 về. Do vậy tiền xe lượt đi và về 2 lượt là: 350.000 đồng x 2 lượt đi về = 700.000 đồng.

- Tiền công không lao động được trong 10 ngày x 500.000 đồng/ 1 ngày (Công thợ mộc tính theo giái trị tại thời điểm) = 5.000.000 đồng.

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 2.000.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần: 6 tháng lương cơ sở x 2.340.000 đồng/ 1 tháng = 14.040.000 đồng.

Tổng cộng: 21.740.000 đồng.

Bị cáo được khấu trừ 5.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải bồi thường tiếp: 16.740.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

Bị cáo Đặng Thị T dùng đèn Pin và chùm chìa khóa thực hiện hành vi gây thương tích cho ông T2, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin và chùm chìa khóa có đặc điểm như biên bản thu giữ.

Trả lại cho ông Nguyễn Đình T2 01 con dao dài 34cm có phần lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm rộng 8cm và phần cán gỗ dài 12,5cm, rộng 3cm do ông Nguyễn Đình T2 giao nộp không phải là vật chứng của vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đặng Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho người bị hại ông Nguyễn Đình T2 là 21.740.000 đồng. Bị cáo được khấu trừ 5.000.000 đồng đã bồi thường trước, còn phải bồi thường tiếp: 16.740.000 đồng. Do vậy án phí bị cáo T phải chịu là: 16.740.000 đồng x 5% = 837.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đắk Lắk đối với bị cáo Đặng Thị T về tội " Cố ý gây thương tích ", theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội danh. Về đề xuất mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 1 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

- Do bị cáo Đặng Thị T có điều kiện khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590 của BLDS buộc bị cáo Đặng Thị T bồi thường cho người bị hại ông Nguyễn Đình T2 số tiền 21.740.000 đồng. Bị cáo được khấu trừ 5.000.000 đồng đã bồi thường trước (số tiền này đã được cơ quan điều tra chuyển nộp vào số tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ngày 18/8/2025, số CT-Doc No: 180825000291), số tiền còn phải bồi thường tiếp: 16.740.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin chiếu sáng loại đeo đầu màu xanh – đỏ, kích thước (8,5x8x8,5)cm; 01 chùm chìa khóa gồm: 01 chìa khóa bằng kim loại dài 7,6cm, rộng 1cm có phần đuôi nhựa màu đen dài 3,6cm rộng 03cm in chữ "HONDA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 4,5cm, rộng 0,5cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "CHINA"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5,5cm, rộng 1cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "HUYHOANG"; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 5cm, rộng 0,5 cm có phần đuôi dài 2cm, rộng 2cm in chữ "VIET-TIEP".

Trả lại cho ông Nguyễn Đình T2 01 con dao dài 34cm có phần lưỡi bằng kim loại dài 21,5cm rộng 8cm và phần cán gỗ dài 12,5cm rộng 3cm do ông Nguyễn Đình T2 giao nộp không phải là vật chứng của vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đặng Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 837.000 (tám trăm ba mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điểu 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đắk Lắk.
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trương Quang Vinh